

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày: 31-01-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Văn Hòa
- Bà Lê Thị Kiều Thu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Thùy Chi, Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tuyết Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 273/2023/HSST ngày 18 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Hữu N, Giới tính: Nam; Sinh năm 1986 tại tỉnh Bình Thuận; HKTT: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở hiện nay: Số A L, phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên bảo vệ; Con ông Lê Hữu Q và bà Lê Thị Hồng Đ; Vợ: Trần Thị Tường V, sinh năm 1993 (Đã ly hôn) Con: có 01 người, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

- Công ty TNHH Đ1 – Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê K – Chức vụ: Giám đốc (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/7/2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 (địa chỉ trụ sở chính: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận) do ông Nguyễn Văn V1 (sinh năm 1987, trú tại B B, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) là Tổng giám đốc ký Quyết định tuyển dụng số: 267/QĐ/TC-ĐTTH với Lê Hữu N vào làm việc tại Công ty với nhiệm vụ là nhân viên kế toán kể từ ngày 05/7/2021. Đến ngày 02/8/2021, Công ty TNHH Đ1 có Quyết định số 291c/QĐ/TC-ĐTTH phân công N thực hiện công việc kế toán tại công trình xã T, thành phố P. N làm việc đến ngày 14/3/2022 thì bàn giao công việc cho Võ Quốc H (sinh năm 1983, trú tại thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận, là kế toán của công ty) để đi chữa bệnh. Sau khi H chiếm đoạt tiền tạm ứng của công ty rồi bỏ trốn, N tiếp tục làm kế toán công trình tại xã T từ ngày 01/4/2022. Nhiệm vụ của Nghĩa là kế toán kiêm thủ kho, quản lý thu chi tiền ở công trường và ghi chép vào sổ sách theo dõi. Quy trình thu chi tiền tại công trình xã T của Công ty TNHH Đ1 được thực hiện như sau: Công ty TNHH Đ1 sẽ chi tạm ứng trước cho kế toán một số tiền nhất định dựa theo giấy đề nghị tạm ứng của kế toán (thường dao động khoảng 30.000.000 đồng hoặc 40.000.000 đồng), việc chi tiền có lập phiếu chi, tiền tạm ứng có thể chuyển bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của kế toán. Quá trình thu, chi tiền, kế toán phải lập sổ theo dõi và ghi chép đầy đủ các khoản thu, chi, lập chứng từ thu chi và chuyển về lại công ty để theo dõi, đối chiếu. Khi chi gần hết số tiền tạm ứng, kế toán công trình phải chụp hình số tiền tồn thẻ hiện trong sổ theo dõi, lập giấy đề nghị tạm ứng số tiền tiếp theo gửi cho kế toán công ty. Trên cơ sở đó, Công ty TNHH Đ1 sẽ tiếp tục chi tiền tạm ứng cho kế toán công trình. Ngày 15/4/2022, khi tiền tạm ứng của đợt trước còn lại là 2.742.000 đồng, N lập chứng từ đề nghị Công ty cho tạm ứng số tiền 30.000.000 đồng để chi Mẩu số 144/HSTheo QĐ số 15/QĐ-VKSTC ngày 09 tháng 01 năm 2018 2 phí sinh hoạt cho công nhân tại công trình và đã được Công ty duyệt chi. Ngày 15/4/2022, Công ty TNHH Đ1 đã chuyển cho N số tiền tạm ứng là 30.000.000 đồng. Tổng số tiền mà N nhận tạm ứng của Công ty TNHH Đ1 (cả đợt cũ và mới) là 32.742.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên, N không thực hiện chi trả các khoản phí sinh hoạt tại công trường mà ngày 16/4/2022, N tự ý nghỉ việc, chiếm đoạt số tiền trên và bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 11/5/2022, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Đ2 ông Lê K (sinh năm 1987, trú tại xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai) đã tố cáo hành vi của N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố P. Quá trình điều tra, Lê Hữu N khai chiếm đoạt số tiền 32.742.000 đồng của Công ty TNHH Đ1 để trả nợ cá nhân.

Về dân sự: Ông Lê K yêu cầu N trả lại cho Công ty TNHH Đ1 số tiền 32.742.000 đồng Nghĩa đã chiếm đoạt, hiện nay N đã trả lại cho Công ty 33.000.000 đồng, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 273/CT/VKS ngày 17 tháng 11 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết đã truy tố bị cáo Lê Hữu N về tội “*Tham ô tài sản*” theo khoản 01 điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Phan Thiết giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Hữu N về tội “*Tham ô tài sản*” đề nghị hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 điều 353; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu N mức án tù từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về dân sự người đại diện Công ty TNHH Đ1 đã nhận đủ tiền N đã hoàn trả, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xét.

Bị cáo Lê Hữu N xác định cáo trạng truy tố là không oan sai, bị cáo không tranh luận gì, thống nhất với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vì bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ để buộc tội bị cáo: Đây là vụ án “*Tham ô tài sản*” do bị can Lê Hữu N thực hiện. Vào ngày 15/4/2022, tại công trình xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, Lê Hữu Nghĩa là nhân viên của Công ty TNHH Đ1 được giao nhiệm vụ kế toán kiêm thủ kho, quản lý thu chi tiền ở công trường, đã nhận tạm ứng của Công ty với tổng số tiền 32.742.000 đồng nhưng N không thực hiện chi trả các khoản phí sinh hoạt tại công trường theo quy định mà chiếm đoạt số tiền, tự ý nghỉ việc và bỏ đi khỏi địa phương. Hành vi của Lê Hữu N gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung. Cáo trạng truy tố đối với bị cáo với

tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Xét bị cáo Lê Hữu N vì động cơ tư lợi nên đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty lấy tiền tiêu xài, bất chấp hậu quả. Hành vi của Lê Hữu N gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Đánh giá về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo cho thấy: Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức cũng như khả năng điều khiển hành vi của mình đối với xã hội, ý thức được quyền sở hữu đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của doanh nghiệp, gây mất ổn định về trật tự tại địa phương là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần xử lý bằng biện pháp hình sự để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung đồng thời cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian tu dưỡng, rèn luyện trở thành người công dân tốt và có ích cho xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Lê Hữu N trong quá trình điều tra, N thành khẩn khai báo, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Về dân sự Công ty TNHH Đ1 đã nhận đủ số tiền 32.742.000 đồng. không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Tuyên bố:** Bị cáo Lê Hữu N phạm tội “Tham ô tài sản”.

*** Áp dụng:** khoản 1 điều 353; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

*** Xử phạt:** Bị cáo Lê Hữu N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Về dân sự Công ty TNHH Đ1 đã nhận đủ số tiền 32.742.000 đồng. không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không xét.

*** Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn,

giám, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Hữu N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án của bị cáo là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, (31/01/2024) người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tp Phan Thiết;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Công an tp Phan Thiết;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

(Đã ký)

NGUYỄN NGỌC DŨNG